**Từ mới trong đoạn văn tiếng Việt:**

**Danh từ:**

* **Đối tượng dữ liệu nhị phân lớn (large binary data object):** Dữ liệu nhị phân có kích thước lớn, thường là hình ảnh, video, âm thanh.
* **Ảnh đĩa ảo (virtual machine disk image):** Bản sao lưu trữ của ổ cứng dùng cho máy ảo.
* **Peta** (ký hiệu PB): Đơn vị đo dung lượng lưu trữ máy tính, bằng 10^15 byte.
* **Terabyte** (ký hiệu TB): Đơn vị đo dung lượng lưu trữ máy tính, bằng 10^12 byte.
* **Gigabyte** (ký hiệu GB): Đơn vị đo dung lượng lưu trữ máy tính, bằng 10^9 byte.
* **Megabyte** (ký hiệu MB): Đơn vị đo dung lượng lưu trữ máy tính, bằng 10^6 byte.
* **Blob lưu trữ khối (block blob):** Loại lưu trữ blob chia thành các khối có kích thước khác nhau.
* **Khối (block):** Một đơn vị nhỏ nhất của dữ liệu trong blob lưu trữ khối.
* **Blob lưu trữ trang (page blob):** Loại lưu trữ blob được tổ chức thành các trang có kích thước cố định.
* **Trang (page):** Một đơn vị dữ liệu cố định có kích thước 512 byte trong blob lưu trữ trang.
* **Blob lưu trữ nối thêm (append blob):** Loại lưu trữ blob chỉ cho phép thêm dữ liệu vào cuối.
* **Thùng chứa (container):** Nhóm các blob có liên quan được lưu trữ cùng nhau.
* **Ngăn lưu trữ (storage tier):** Cấp lưu trữ với các mức hiệu suất và chi phí khác nhau.
* **Ngăn nóng (hot tier):** Ngăn lưu trữ mặc định, có hiệu suất cao, thích hợp cho dữ liệu truy cập thường xuyên.
* **Ngăn mát (cool tier):** Ngăn lưu trữ có chi phí thấp hơn ngăn nóng, thích hợp cho dữ liệu truy cập ít thường xuyên.
* **Ngăn lưu trữ dữ liệu lưu trữ (archive tier):** Ngăn lưu trữ có chi phí thấp nhất, thích hợp cho dữ liệu lưu trữ lâu dài, ít truy cập.
* **Độ trễ (latency):** Thời gian chờ đợi để truy cập dữ liệu.
* **Chính sách vòng đời quản lý (lifecycle management policy):** Chính sách tự động di chuyển dữ liệu giữa các ngăn lưu trữ theo thời gian và tần suất truy cập.
* **Sao chép dự phòng (redundancy):** Lưu trữ nhiều bản sao của dữ liệu để đảm bảo tính sẵn sàng.
* **Sao chép dự phòng địa lý (geo-redundancy):** Sao chép dữ liệu sang một vùng miền khác để phòng ngừa rủi ro.
* **Kiểm soát phiên bản (versioning):** Lưu trữ và khôi phục các phiên bản trước đó của một blob.
* **Xóa mềm (soft delete):** Khôi phục một blob đã bị xóa hoặc ghi đè vô tình.
* **Ảnh chụp nhanh (snapshot):** Bản sao chỉ đọc của một blob tại một thời điểm cụ thể.
* **Luồng thay đổi (change feed):** Bản ghi theo thứ tự các cập nhật được thực hiện cho một blob.
* **Phân tích kinh doanh (business analytics):** Sử dụng dữ liệu để đưa ra các quyết định kinh doanh sáng suốt.

**Động từ:**

* **Lưu trữ (store):** Giữ dữ liệu trong bộ nhớ.
* **Truy cập (access):** Lấy dữ liệu từ bộ nhớ.
* **Sao chép dự phòng (replicate):** Tạo nhiều bản sao của dữ liệu.
* **Khôi phục (recover):** Lấy lại dữ liệu đã bị mất.
* **Phân tích (analyze):** Xử lý và tìm kiếm ý nghĩa từ dữ liệu.
* **Di chuyển (migrate):** Chuyển dữ liệu từ vị trí này sang vị trí khác.
* **Xóa (delete):** Loại bỏ dữ liệu.
* **Cập nhật (update):** Thay đổi dữ liệu.